

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Đợt 4)

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG BỔ SUNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC HOẢN HỖ TRỢ KHÁC		TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
								ĐẤT Ỏ	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC	HỖ TRỢ (NHÀ, VKT)	KHÁC		
1	Đơn vị: Trạm y tế Phường 4, thành phố Vũng Tàu	23 Ký Con, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	3,40														
2	Đơn vị: Ủy ban nhân dân Phường 4 (Đất giao thông Đường Tú Xương)	68 Cô Giang, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	3.363,50														
3	Ông (bà) Hồ Thị Kim Nhung - Hồ Thị Ngọc Mỹ - Hồ Tiên Dũng - Hồ Tiên Sỹ (đồng sử dụng)	Hẻm 80 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	13,00														
4	Ông (bà) Lý Thị Hội	22 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	0,40														
5	Ông (bà) Bùi Hiệp (ông, bà Bùi Văn Cương - Bùi Hiệp - Bùi Văn Linh - Nguyễn Thị Lộc là người có liên quan)	37/2/6 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	0,60														

6	Ông (bà) Nguyễn Văn Trung và hàng thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn Ngân (ông Ngân đã chết)	36 Tô Hiến Thành, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	0,90														
7	Ông (bà) Nguyễn Từ Tổ - Võ Thị Thu Hà	68 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	13,90														
8	Ông (bà) Lê Mạnh Tiến - Đinh Thị Tuyết	71 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	15,50	7,80			7,80		377.270.400				56.076.800			433.347.200	
9	Ông (bà) Chung Kim (ông Đinh Thanh Tuyên là người được tặng cho)	66 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	15,60	6,90			6,90		333.739.200				65.276.900			399.016.100	
10	Ông (bà) Vũ Thị Quy	35 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	3,70														
11	Ông (bà) Nguyễn Văn Thanh - Đỗ Thị Kim Chung	6A Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	2,80														

12	Ông (bà) Chung Kim (ông Đinh Thanh Tuyển là người được tặng cho)	64 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	19,10	19,10					19,10	923.828.800				72.853.800		996.682.600
13	Ông (bà) Lê Thị Yên (bà Phạm Thị Trà My là người nhận chuyển nhượng)	26 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	14,40	14,40					14,40	696.499.200				271.059.600		967.558.800
14	Ông (bà) Đặng Xuân Thăng	43 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	2,10	2,10					2,10	101.572.800				66.253.280		167.826.080
15	Ông (bà) Nguyễn Văn Chương - Lê Thị Bình	33A Tú Xương, phường 4, thành phố Vũng Tàu	5,80													
16	Ông (bà) Đặng Bình Hải - Vũ Thị Ngọc Thảo	33 Tú Xương, phường 4, thành phố Vũng Tàu	3,70													
17	Ông (bà) Nguyễn Thành Huy	68 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	3,30	3,30					3,30	33.135.300						33.135.300

18	Ông (bà) Nguyễn Thị Chính	04 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu	2,00	2,00				2,00		96.736.000						96.736.000
19	Ông (bà) Phạm Xuân Sơn - Lương Ánh Hồng	130 Nguyễn Văn Trỗi, phường 4, thành phố Vũng Tàu	55,30	44,40				44,40		4.168.272.000				470.664.216		4.638.936.216
20	Ông (bà) Nguyễn Phước Nhân - Vũ Thị Mai Anh	36 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu			11,70	8,20	3,50		3,50	35.143.500	bồi thường bổ sung diện tích 3,50m2 theo giá đất nông nghiệp (hộ dân bổ sung giấy tờ về đất) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét ngày 16/5/2024.					35.143.500
21	Ông (bà) Hoàng Văn Lực - Lực Thị Ngọc	24 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu			25,70	11,40	12,30	12,30		594.926.400	bồi thường bổ sung diện tích 12,30m2 theo giá đất ở, hỗ trợ tái sản trên đất (hộ dân bổ sung giấy tờ về đất) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét ngày 16/5/2024.		99.918.000			694.844.400
22	Ông (bà) Nguyễn Xuân Minh (Nguyễn Hữu Minh)	44 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu			19,20	6,50	12,70	12,70		614.273.600	bồi thường bổ sung diện tích 12,70m2 theo giá đất ở, hỗ trợ tái sản trên đất (hộ dân bổ sung giấy tờ về đất) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét ngày 16/5/2024.		25.332.392			639.605.992

23	Ông (bà) Phan Ngọc Đước - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng).	43 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 4, thành phố Vũng Tàu.			26,60	26,60	22,70	22,70	870.022.900	Thực hiện Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về giải quyết khiếu nại bà Phan Thị Ngọc Quỳnh (lần đầu), theo đó bồi thường bổ sung chênh lệch giá đất ở và giá đất nông nghiệp đối với diện tích 22,70m ² /26,60m ² đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp, bổ sung VKT trên đất.	3.169.000	873.191.900
24	Ông (bà) Nguyễn Tiến Vinh - Nguyễn Thị Thu Vân - Nguyễn Thị Thu Thủy (cùng thừa kế)	60 Tú Xương, Phường 4, thành phố Vũng Tàu			7,20	7,20				Hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc trên đất trên cơ sở ý kiến xác nhận bổ sung liên quan đến thời điểm xây dựng nhà năm 2000 của UBND Phường 4 tại Văn bản số 204/UBND-ĐC ngày 06/3/2024 được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét ngày 23/4/2024	15.827.500	15.827.500
TỔNG CỘNG:			3.539,00	100,00	90,40	59,90	51,20	144,40	6,80	8.845.420.100	1.146.431.488	9.991.851.588

* Diện tích đất thu hồi	:	3.539,00 m ²
* Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ	:	3.439,00 m ²
* Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường:	:	100,00 m ²
<i>Trong đó:</i>		
+ Đất ở	:	96,70 m ²
+ Đất nông nghiệp	:	3,30 m ²
* Diện tích đất đã thu hồi	:	90,40 m ²
* Diện tích đất đã bồi thường:	:	59,90 m ²
* Diện tích đất được tính bồi thường bổ sung (theo hồ sơ về đất hộ dân cung cấp bổ sung được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu họp xét ngày 16/5/2024 và theo Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về giải quyết khiếu nại lần đầu bà Phan Thị Ngọc Quỳnh)	:	51,20 m ² (47,70m ² đất ở và 3,50m ² đất nông nghiệp)
* Số hộ gia đình, cá nhân, đơn vị có đất, tài sản bị giải tỏa	:	24 hộ dân, đơn vị (05 hộ bổ sung)

* Số hộ tái định cư	:	không
* Số hộ giao đất ở mới	:	không
a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	:	9.991.851.588 đồng
- Kinh phí bồi thường:	:	8.845.420.100 đồng
+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất	:	8.845.420.100 đồng
+ Bồi thường hoa màu, cây trái	:	đồng
+ Bồi thường nhà, vật kiến trúc	:	đồng
+ Bồi thường khác	:	đồng
- Kinh phí hỗ trợ khác	:	1.146.431.488 đồng
+ Hỗ trợ nhà, vật kiến trúc	:	1.146.431.488 đồng
+ Hỗ trợ khác	:	đồng
b) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB x 2%	:	9.991.851.588 x 2 % = 199.837.032 đồng
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (a) + (b)	:	10.191.688.620 đồng.

(Bằng chữ: Mười tỷ, một trăm chín mươi một triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, sáu trăm hai mươi đồng)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Hồng Thuận